

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-ST

Ngày: 19-9-2017

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Bùi Vạn Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: Số 72 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Lê Văn Q, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X).

- Bà Lê Thị Bích T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: 35 A-B đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số 307/2016/EIB/UQ-TGD ngày 28-4-2016).

- Bà Lê Thị Bích T ủy quyền lại cho bà Lữ Thị Ái T1; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền số 38/2017/EIB/QNG-UQ ngày 24-7-2017).

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 22, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tạ Thanh M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 22, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2017, các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08-5-2017, 18-5-2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X trình bày:

Ngày 21-3-2009, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi và bà Tạ Thị A có ký kết hợp đồng tín dụng số 1601LAV200900862, nội dung của hợp đồng tín dụng nói trên là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi cho bà Tạ Thị A vay số tiền 60.000.000đồng; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; Lãi suất cho vay và chu kỳ thay đổi lãi suất: 1%/tháng, lãi suất này cố định trong thời gian 06 tháng, sau đó lãi suất sẽ thay đổi theo thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ hợp đồng trên, ngày 21-3-2009 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi đã giải ngân cho bà Tạ Thị A nhận đủ số tiền vay là 60.000.000đồng.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1006, tờ bản đồ số 12, diện tích 380m², tại địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 728322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14-8-2008 cho bà Phạm Thị B; ngày 22-9-2008 bà Tạ Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 138 ngày 26-8-2008, ngày 17-3-2009 bà Tạ Thị A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 31 ngày 16-3-2009. Việc thế chấp đã được lập thành hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 45/2009/HĐTC ngày 19-3-2009, được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực ngày 20-3-2009, số 35, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20-3-2009.

Trong quá trình trả nợ vay, bà Tạ Thị A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tổng số tiền mà bà A đã thanh toán cho Ngân hàng là 13.370.618đồng, trong đó tiền gốc là 9.900.000đồng, tiền lãi từ ngày 21-3-2009 đến ngày 20-9-2009 là 3.470.618đồng). Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, làm việc với bà A nhưng bà A không có thiện chí trả nợ và đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết. Tính đến ngày 19-9-2017 thì bà Tạ Thị A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 141.518.854đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 51.100.000đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 63.914.010đồng;

Nợ lãi quá hạn là: 26.504.844đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị A trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên và yêu cầu bà A phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Nếu bà Tạ Thị A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì xử lý tài sản bảo đảm của bà Tạ Thị A, ông Tạ Thanh M để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì bà Tạ Thị A phải tiếp tục trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Tạ Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Thanh M vắng mặt tại nơi cư trú, theo yêu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, ngày 22-4-2016 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Tạ Thị A và ông Tạ Thanh M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (thông qua thủ tục niêm yết công khai) nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Tạ Thị A phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 141.518.854 đồng, trong đó: Nợ gốc là 51.100.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 63.914.010 đồng; nợ lãi quá hạn là 26.504.844 đồng. Đồng thời, buộc bà Tạ Thị A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp bà Tạ Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp số 45/2009/HĐTC ngày 19-3-2009 để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Khi giao dịch vay tiền, thế chấp tài sản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi thì bà Tạ Thị A, ông Tạ Thanh M có địa chỉ nơi cư trú tại Tổ 22, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình trả nợ vay cho Ngân hàng thì bà A thường xuyên vi phạm, sau đó vợ chồng bà Tạ Thị A, ông Tạ Thanh M thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, ngày 22-4-2016 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi quyết định ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Tạ Thị A và ông Tạ Thanh M nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện vụ án “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua việc niêm yết công khai cho bị đơn bà Tạ Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Thanh M nhưng bà A và ông M luôn vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Tạ Thị A đến làm việc, nhưng bà A không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Tạ Thị A phải chịu hậu quả pháp lý theo những nội dung mà bà A đã cam kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi trong hợp đồng tín dụng.

[2.2] Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án và theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 21-3-2009 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi cho bà Tạ Thị A vay số tiền 60.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 1601LAV200900862; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

[2.3] Sau khi ký kết các hợp đồng nói trên, ngày 21-3-2009 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi đã giải ngân cho bà A nhận đủ số tiền vay 60.000.000đồng và bà A đã ký khế ước nhận nợ với Ngân hàng (bút lục 60).

[2.4] Trong quá trình trả nợ vay, bà Tạ Thị A chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 13.370.618đồng, trong đó tiền gốc là 9.900.000đồng, tiền lãi 3.470.618đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-9-2017) thì bà Tạ Thị A còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền là 141.518.854đồng, trong đó: Nợ gốc là 51.100.000đồng; nợ lãi trong hạn là 63.914.010đồng; nợ lãi quá hạn là 26.504.844đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện yêu cầu bà Tạ Thị A phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Đối với tài sản thế chấp:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ngày 19-3-2009 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi và vợ chồng bà Tạ Thị A và ông Tạ Thanh M đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 45/2009/HĐTC đối với thửa đất số 1006, tờ bản đồ số 12, diện tích 380m², địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 728322, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14-8-2008 cho bà Phạm Thị B; ngày 22-9-2008 bà Tạ Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 138 ngày 26-8-2008, ngày 17-3-2009 bà Tạ Thị A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 31 ngày 16-3-2009. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực ngày 20-3-2009 và đã được đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20-3-2009. Việc ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi với vợ chồng bà Tạ Thị A, ông Tạ Thanh M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh Quảng Ngãi với vợ chồng bà Tạ Thị A, ông Tạ Thanh M đã có hiệu lực pháp luật. Tại tiểu mục 4.6 mục 4 của hợp đồng thế chấp số 45/2009/HĐTC ngày 19-3-2009 các bên đã thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp nếu không thanh toán xong nợ khi đến hạn. Do đó, nếu bà Tạ Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1601LAV200900862 ngày 21-3-2009 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp số 45/2009/HĐTC ngày 19-3-2009 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Tạ Thị A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã nộp tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn bà Tạ Thị A phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 2.000.000đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Tạ Thị A phải chịu 7.075.900đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, các điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 214, 219, 223, 471, 474, 342, 343, 344, 351, 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 113 Luật đất đai năm 2003; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc bà Tạ Thị A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tính đến ngày 19-9-2017 là 141.518.854 đồng (một trăm bốn mươi một triệu năm trăm mười tám nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 51.100.000 đồng (năm mươi một triệu một trăm nghìn đồng);
- Nợ lãi trong hạn là 63.914.010 đồng (sáu mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn không trăm mười đồng);
- Nợ lãi quá hạn là 26.504.844 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Tạ Thị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bà Tạ Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp số 45/2009/HĐTC ngày 19-3-2009 để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì bà Tạ Thị A phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Tạ Thị A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn bà Tạ Thị A phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Tạ Thị A phải chịu 7.075.900 đồng (bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí 3.401.194 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ một nghìn một trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004725 ngày 31-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong